

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày 21 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Quân

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Lê Thị Anh Thư

Ông Nguyễn Mạnh Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1987 tại Hà Nam; Nơi cư trú và chỗ ở: tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến D và bà Phan Thị B; Chồng: Phạm Văn C; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2022 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Nguyễn Thị Hải Y - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Người bị hại:

+ Anh Ngô Duy T, sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định, có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn Y, xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ NLQ1, sinh năm 1959; Địa chỉ: tổ dân phố P, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ NLQ2, sinh năm 1984; Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

+ NLQ3, sinh năm 1985; Địa chỉ: tổ dân phố V, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2022, Nguyễn Thị T và NLQ3, sinh năm 1985 cùng mua chung thửa đất nông nghiệp có diện tích 5.059m² ở tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam của NLQ2, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D với giá 1.295.000.000đ, mục đích để bán kiếm lời. Sau đó T và NLQ3 mỗi người góp 200.000.000đ để T đại diện đặt cọc trước cho NLQ2 400.000.000đ. Đến tháng 4/2022 T tiếp tục góp 100.000.000đ, NLQ3 góp 300.000.000đ để T đưa tiếp cho NLQ2 400.000.000 đồng.

Trong năm 2021, NLQ1, sinh năm 1959, trú tại tổ dân phố P, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam nhờ T bán hộ thửa đất số 307, tờ bản đồ số PL21, địa chỉ tại tổ dân phố P, phường C, thị xã D của NLQ1. T đã chụp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để rao bán nhưng sau đó NLQ1 không có nhu cầu bán thửa đất trên. Do NLQ2 yêu cầu trả nốt số tiền còn lại nên T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Ngô Duy T, sinh năm 1985, trú tại thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định để trả cho NLQ2. Vì vậy T chủ động rủ anh T góp tiền mua đất để bán kiếm lời chia nhau theo phần trăm góp vốn. Để anh T tin tưởng, T đưa ra thông tin không có thật về việc NLQ1 muốn bán thửa đất số 307, tờ bản đồ số PL21, địa chỉ tại tổ dân phố P, phường C, thị xã D với giá 1.000.000.000đ. T sử dụng tài khoản Zalo “*Bds Tg T*” để gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của NLQ1 đến tài khoản Zalo “*Ngô T*” của anh T. Do tin tưởng T nên anh T đồng ý góp 500.000.000đ để cùng T mua thửa đất của NLQ1. Sau đó T tự làm giả “*Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” giữa T với NLQ1 thể hiện việc T đã đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng cho NLQ1 rồi chụp ảnh, gửi cho anh T.

Ngày 19/4/2022, T dẫn anh T đi xem một thửa đất ở vị trí mặt đường trục chính, T không biết thửa đất này của ai, thuộc tổ dân phố P, phường C, thị xã D và nói với anh T là thửa đất của NLQ1. Sau khi xem xong, anh T đã cùng T thỏa thuận mua đất xong thì sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang

tên cho anh T, T là người giữ giấy tờ đến khi đất lên giá sẽ bán để chia nhau tiền lãi. T hứa hẹn với anh T trong khoảng thời gian một tuần sẽ hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 20/4/2022, anh T sử dụng tài khoản ngân hàng số 19027175606188 mở tại Ngân hàng Techcombank, chi nhánh Hà Nam của anh T chuyển 500.000.000đ đến số tài khoản số 0030192609999 mở tại Ngân hàng Mbbank, chi nhánh Hà Nam mang tên Nguyễn Thị T. Nhận được tiền, ngày 25/4/2022 T đã chuyển 480.000.000đ vào tài khoản số 2903000006868 mở tại Ngân hàng Agribank - chi nhánh Duy Tiên mang tên Bùi Tiến Dũng để trả tiền mua đất còn thiếu cho NLQ2, số tiền còn lại T sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, nhiều lần anh T hỏi T về việc hoàn thiện thủ tục mua đất thì T đều nói chưa xong. Do vậy anh T yêu cầu T trả lại tiền nên ngày 5/5/2022, T chuyển 100.000.000đ vào tài khoản số 19027175606188 để trả lại cho anh T và hứa sẽ trả số tiền 400.000.000đ. Một thời gian sau, không thấy T trả tiền, anh T nhiều lần gọi điện thì T đều hứa hẹn sẽ trả nhưng không thực hiện.

Ngày 21/7/2022, T tiếp tục đưa ra thông tin gian dối về việc đang chuẩn bị đặt cọc để mua một thửa đất ở xã Mộc Nam, thị xã Duy Tiên với giá 2.000.000.000đ, T rủ chị Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm 1982, trú tại thôn Y, xã C, thị xã D góp 200.000.000đ và hứa hẹn sau khi mua xong, bán đi sẽ được lãi 100.000.000đ, T chia cho chị K 50.000.000đ tiền lãi. Do biết T làm môi giới bất động sản nên chị K tin tưởng sử dụng tài khoản ngân hàng số 0357753333 mở tại Ngân hàng Mbbank, chi nhánh Hà Nam chuyển số tiền 120.000.000đ đến tài khoản số 0030192609999 mở tại Ngân hàng Mbbank, chi nhánh Hà Nam mang tên Nguyễn Thị T, đến ngày 23/7/2022, chị K đưa tiếp cho T 80.000.000đ, T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết số tiền này. Sau đó, chị K nhiều lần hỏi T về việc mua, bán thửa đất trên nhưng T luôn đưa ra lý do bận để trì hoãn, chị K yêu cầu T trả lại tiền nhưng T không trả.

Ngày 10/10/2022, anh Ngô Duy T và ngày 06/12/2022, chị Nguyễn Thị Hồng K gửi đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T với Cơ quan điều tra Công an thị xã Duy Tiên. Anh T giao nộp 30 tờ giấy A4 in nội dung tin nhắn Zalo giữa tài khoản Zalo của anh Ngô Duy T với tài khoản Zalo của Nguyễn Thị T; 01 tờ giấy A4 in nội dung thông báo chuyển tiền thành công số tiền 500 triệu đồng đến tài khoản số 0030192609999 mở tại Ngân hàng MBbank mang tên Nguyễn Thị T; 01 tờ giấy A4 in Giấy góp vốn giữa anh Ngô Duy T và Nguyễn Thị T ký ngày 19/4/2022; 01 bản gốc Giấy góp vốn giữa anh T và T đề ngày 19/4/2022; 05 tờ A4 in ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên NLQ1 và 01 tờ A4 in ảnh Hợp đồng đặt cọc tiền thu từ chiếc điện thoại di động của anh T. Chị K giao nộp 12 tờ giấy khổ A4 thể hiện hình ảnh được chụp từ màn hình điện thoại thể hiện nội dung tin nhắn của tài khoản Zalo giữa chị K và T.

Nguyễn Thị T giao nộp 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đỗ Tú H và 01 Biên bản họp gia đình ông Đỗ Tú H; 01 bản phô tô Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Q và 01 Biên bản họp gia đình bà Trần Thị Q.

NLQ2 giao nộp 01 sổ phụ tên khách hàng Bùi Tiến Dũng in ngày 21/02/2023 của Ngân hàng Agribank, chi nhánh thị xã Duy Tiên.

Ngày 21/11/2022 Cơ quan điều tra đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam và Lệnh khám xét chỗ ở đối với Nguyễn Thị T, tại tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, quá trình thi hành lệnh không thu giữ đồ vật, tài liệu gì có liên quan đến vụ án.

Kiểm tra và khai thác dữ liệu điện tử đối với chiếc điện thoại di động của anh T xác định: Tại tài khoản Zalo “Ngô T” có tin nhắn đến là hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 307, tờ bản đồ số PL21, địa chỉ tại tổ dân phố P, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam mang tên NLQ1; hình ảnh Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện số tiền chuyển nhượng là 01 tỷ đồng và số tiền đặt cọc là 500.000.000 đồng giữa NLQ1 và Nguyễn Thị T từ tài khoản Zalo “Bds Tg T”.

Sao kê lịch sử giao dịch tài khoản xác định: Ngày 20/4/2022, tài khoản số 19027175606188 mở tại Ngân hàng Techcombank, chi nhánh Hà Nam của anh T chuyển số tiền 500.000.000đ vào tài khoản số 0030192609999 mở tại Ngân hàng Mbbank, chi nhánh Hà Nam của T; ngày 25/4/2022, tài khoản số 0030192609999 mở tại Ngân hàng Mbbank, chi nhánh Hà Nam của T chuyển số tiền 480.000.000đ vào tài khoản số 2903000006868 mở tại Ngân hàng Ngân hàng Agibank, chi nhánh Duy Tiên của NLQ2; ngày 05/5/2022, tài khoản số 0030192609999 mở tại Ngân hàng Mbbank, chi nhánh Hà Nam của T chuyển số tiền 100.000.000đ vào tài khoản số 19027175606188 mở tại Ngân hàng Techcombank, chi nhánh Hà Nam của anh T. Ngày 21/7/2022, tài khoản số 0357753333 mở tại Ngân hàng Mbbank, chi nhánh Hà Nam của chị K chuyển số tiền 120.000.000đ vào tài khoản số 0030192609999 mở tại Ngân hàng MBbank - chi nhánh Hà Nam của T.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 17/CT-VKS-P2 ngày 08/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố Nguyễn Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị T từ 15 năm đến 16 năm tù; phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị T từ 10 đến 20 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra còn đề nghị xem xét về trách nhiệm dân sự và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, đã khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chồng bị cáo bị bệnh viêm Tụy cấp nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 xử phạt bị cáo T, từ 13 năm đến 14 năm tù.

Quan điểm của bị cáo: Nhất trí lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và cho rằng cáo trạng đã truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; đồng thời nhất trí nếu bán được thửa đất đã mua chung với NLQ3 thì sẽ trả tiền cho anh T và chị K.

Quan điểm của người bị hại: Anh Ngô Duy T yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 400.000.000đ đã chiếm đoạt; chị Nguyễn Thị Hồng K yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 200.000.000đ đã chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, Nguyễn Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích chiếm đoạt tài sản nên Nguyễn Thị T đưa ra thông tin sai sự thật để anh Ngô Duy T và chị Nguyễn Thị Hồng K tin tưởng cùng T mua các thửa đất để bán kiếm lời, từ đó T chiếm đoạt của anh Ngô Duy T số tiền 500.000.000đ và chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hồng K số tiền 200.000.000đ. Tổng số tiền T chiếm đoạt của anh T và chị K là 700.000.000đ.

Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh T và chị K với số tiền là 700.000.000đ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt:

Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Chỉ vì mục đích thanh toán tiền đã mua chung thửa đất với NLQ3 và để tiêu sài cá nhân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của anh T và chị K. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý bất bình, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo chiếm đoạt tài sản của người khác trái pháp luật nên cần xét xử nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi chiếm đoạt tiền của anh T, do bị thúc ép nhiều lần nên bị cáo trả lại cho anh T 100.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả; tại phiên tòa bị cáo nhất trí nếu bán được thửa đất mua chung với NLQ3 thì sẽ trả nợ cho anh T, chị K, đồng thời xuất trình bệnh án của chồng bị cáo bị bệnh viêm Tụy cấp, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đáp ứng công tác phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải hoàn trả anh Ngô Duy T số tiền 400.000.000đ và hoàn trả chị Nguyễn Thị Hồng K số tiền 200.000.000đ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 135; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Thị T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2022.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, phạt tiền Nguyễn Thị T 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc Nguyễn Thị T phải trả cho anh Ngô Duy T số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

- Buộc Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị Hồng K số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng)

Báo bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Phòng NVHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Người bị hại; Người liên quan;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Quân